

CÁC PHƯƠNG THỨC CHIẾU VẬT TRONG TRUYỆN NGẮN NAM CAO TRƯỚC CÁCH MẠNG THÁNG TÁM

NGÔ THỊ THU HẰNG * - TRẦN THỊ NGỌC **

Tóm tắt: Chiếu vật là phương diện đầu tiên thuộc về Ngữ dụng học. Muốn hiểu được nghĩa của phát ngôn trong những ngữ cảnh khác nhau buộc phải quan tâm tới chiếu vật, tức là phải xem xét sự tương ứng giữa sự vật được nói đến trong phát ngôn với sự vật trong thực tế khách quan. Thông qua việc khảo sát 15 truyện ngắn của Nam Cao trước Cách mạng tháng Tám chúng tôi nhận thấy tác giả sử dụng đa dạng, kết hợp các phương thức chiếu vật và việc sử dụng các phương thức chiếu vật này mang nhiều dụng ý nghệ thuật của tác giả.

Từ khóa: Chiếu vật, chỉ xuất, truyện ngắn Nam Cao, tên riêng, biểu thức miêu tả.

Abstract: Projection is the first aspect of Pragmatics. It's compulsory to pay attention to the projection methods to understand meanings of the utterances in different contexts, i.e. having to consider the correspondence between the things mentioned in the utterances and the things in objective reality. Through surveying 15 Nam Cao's short stories before the August Revolution, we have realized that he had combined different projection methods which shows his artistic intentions.

Keywords: Projection, deictic expressions, Nam Cao's short stories, proper names, descriptive expressions.

1. Giới thiệu

Chiếu vật là phương diện đầu tiên thuộc

về Ngữ dụng học. Vấn đề chiếu vật đã được các nhà ngôn ngữ học trong và ngoài nước quan tâm như: Đỗ Hữu Châu, Nguyễn Thiện Giáp, J. Lyons. Để người đọc có thể nhận hiểu được nghĩa của phát ngôn trong những ngữ cảnh khác nhau thì người sử dụng phải xem xét đến sự tương ứng giữa sự vật được nói đến trong phát ngôn với sự vật trong thực tế khách quan bởi “những biểu thức chiếu vật là những cái neo mà phát ngôn thả vào ngữ cảnh để móc nối nó với ngữ cảnh”. Hiện tượng chiếu vật là hiện tượng ngôn ngữ được sử dụng phổ biến không chỉ trong sinh hoạt hàng ngày mà còn được sử dụng rất nhiều trong các tác phẩm văn chương. Tìm hiểu các phương thức chiếu vật trong tác phẩm văn chương sẽ phần nào giúp cho việc tiếp nhận tác phẩm một cách đầy đủ, thấu đáo nhất.

Nam Cao là một cây bút bậc thầy của chủ nghĩa hiện thực. Ngôn ngữ trong các tác phẩm của Nam Cao là ngôn ngữ mang đậm hơi thở của cuộc sống, tự nhiên, sống động. Các sáng tác của ông đa dạng về thể loại như: truyện ngắn, hồi ký, tiểu thuyết ở cả hai giai đoạn trước và sau Cách mạng tháng Tám. Đặc biệt ở các sáng tác truyện

* ThS - Trường Ngoại ngữ, Đại học Thái Nguyên; Email: ngothuhang.sfl@tnu.edu.vn

** TS - Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên

ngắn trước Cách mạng tháng Tám, ông sử dụng kết hợp các phương thức chiếu vật, điều này mang rất nhiều dụng ý nghệ thuật của tác giả.

2. Các phương thức chiếu vật trong truyện ngắn Nam Cao trước Cách mạng tháng Tám

2.1. Kết quả khảo sát

Qua quá trình khảo sát 15 truyện ngắn của Nam Cao in trong *Tuyển tập Nam Cao* [8], gồm: *Đòn chông*, *Giăng sáng*, *Đôi móng giò*, *Trẻ em không được ăn thịt chó*, *Đón khách*, *Mua nhà*, *Quái dị*, *Từ ngày mẹ chết*, *Làm tổ*, *Truyện tình*, *Một chuyện xú-vơ-nia*, *Tư cách mõ*, *Điều vẩn*, *Một bữa no*, *Lão Hạc*, chúng tôi nhận thấy có các phương thức chiếu vật sau:

Phương thức		Số phương thức	Tần suất sử dụng	Tỉ lệ %
1. Chiếu vật dùng tên riêng		91	777	15,3
2. Chiếu vật dùng biểu thức miêu tả		43	43	7,3
3. Chiếu vật chỉ xuất				
3.1. Định vị chỉ xuất xưng hô		292	2.919	49,2
3.2. Chiếu vật chỉ xuất định vị không gian, thời gian	Chủ quan	73	73	12,3
	Khách quan	94	94	15,9
Tổng		593	3.906	100

2.2. Đặc điểm sử dụng các phương thức chiếu vật trong truyện ngắn Nam Cao

Trong các tác phẩm của mình, Nam Cao đã sử dụng các phương thức chiếu vật và chỉ xuất với các mức độ và tần suất khác nhau:

2.2.1. Phương thức chiếu vật dùng tên riêng: đây là cách đơn giản và dễ gặp nhất để chiếu vật, giúp ta xác định được một vật hay địa điểm nào đó trong văn bản. Trong 15 truyện ngắn được khảo sát có 91 tên riêng được dùng để chiếu vật với 777 lần xuất hiện, chiếm 15,3%. Trong đó, truyện ngắn *Giăng sáng* chỉ có 1 tên riêng (Điền) nhưng tần suất sử dụng khá lớn 168 lần. Truyện ngắn *Một chuyện xú-vơ-nia* có 6

biểu thức tên riêng (Hàn, Tơ, Bà Cừu, Cô Luyến, cô Hán) với tổng số 131 lần xuất hiện. Ít hơn là truyện ngắn *Một bữa no* với 2 tên riêng (Bà phó Thụ, Hà Nội) với tổng 9 lần sử dụng và truyện ngắn *Tư cách mõ* với 2 tên riêng (Lộ, Lưu An) với tổng số 19 lần sử dụng. Các biểu thức tên riêng không được sử dụng nhiều lắm bởi đây là các truyện ngắn nên cốt truyện cũng khá đơn giản, không có quá nhiều các nhân vật. Mặt khác không thể lúc nào cũng dùng tên riêng để chiếu vật được vì đôi khi người ta kiêng dùng tên riêng để chiếu vật vì có thể tên riêng trùng với tên các vị thần linh, tên húy, tên tục của các vị bô lão. Cũng vì lẽ đó, người ta thay tên riêng bằng các đại từ xưng hô khác, các danh từ thân tộc, từ chỉ chức nghiệp.

2.2.2. Phương thức chiếu vật dùng biểu thức miêu tả: Đây là phương thức chiếu vật dùng để xác định nghĩa chiếu vật bằng cách cung cấp cho người nghe, người đọc một sự miêu tả chi tiết, cụ

thể về sự vật được nói đến. Qua phương thức này giúp ta thấy rõ các tình tiết trong văn bản, làm cho văn bản trở nên sinh động hơn. Những đặc điểm được dùng trong biểu thức miêu tả chiếu vật thường là những đặc điểm của sự vật được chiếu vật đang có mặt trong ngữ cảnh mà người nghe có thể nhận biết được bằng các giác quan hướng ngoại hoặc người nghe đã biết. Hay nói cách khác, những đặc điểm của sự vật được dùng trong biểu thức miêu tả phải nằm trong tiềm thức, sự hiểu biết của cả người nói và người nghe. Có như vậy thì người viết mới tạo ra được các biểu thức chiếu vật đạt hiệu quả giao tiếp và người nghe mới có thể nhận hiểu được nghĩa chiếu vật trong các hoàn

cảnh giao tiếp khác nhau. Trong 15 truyện ngắn của Nam Cao được khảo sát, các biểu thức miêu tả chiếm số lượng ít nhất trong các phương thức chiếu vật, có 43 biểu thức, chiếm 7,3%. Chẳng hạn như: Với truyện ngắn *Giăng sáng*, trong con mắt của Điền thì vợ Điền còn là “*người đàn bà cau có vẫn ngoác mồm ra mắng con, mắng con ở, mắng mè, mắng chó khiến nhà cứ om lên suốt ngày*”. Hay như trong *Một chuyện xú-vơ-nia*, những người đàn bà trong những cuốn tiểu thuyết mà nhân vật Hàn đọc được quy chiếu bằng biểu thức miêu tả “*Những cô thôn nữ rất đẹp, rất hiền, rất ngây thơ*”. Còn trong truyện *Một bữa no*, cái dĩ chính là “*đứa con của anh con trai đã cướp công bà để về với đất*” được bà nuôi nấng, chăm sóc từ nhỏ cho đến khi cái dĩ mười hai tuổi đi làm con nuôi người ta; còn bà cái dĩ qua con mắt của bà phó Thụ thì không khác gì “*con mẹ ăn mày*”. Nhìn chung, các biểu thức miêu tả trong các truyện ngắn Nam Cao đều có cấu tạo gồm một danh từ chung chỉ người và các định ngữ (định ngữ có thể là từ hoặc câu) chỉ đặc điểm của sự vật. Người đọc, người nghe sẽ căn cứ vào các đặc điểm được miêu tả trong biểu thức chiếu vật đó để nhận biết các sự vật hiện tượng được nói đến.

Sở dĩ phương thức này ít xuất hiện trong truyện ngắn Nam Cao vì ngòi bút Nam Cao thiên về miêu tả nhân vật, kể tình tiết diễn biến sự việc nên người đọc dễ nhầm lẫn giữa miêu tả thông thường với việc dùng các biểu thức miêu tả để chiếu vật. Tuy phương thức chiếu vật này ít xuất hiện hơn các phương thức chiếu vật khác nhưng khi được dùng có tác dụng khắc họa, làm nổi bật nên tính cách, hoàn cảnh, số phận của các nhân vật trong mỗi câu truyện.

2.2.3. *Phương thức chiếu vật chỉ xuất* là phương thức được dùng nhiều nhất với tổng số 459 biểu thức, 3.086 lần sử dụng, chiếm 77,4 %. Trong đó:

* *Định vị chỉ xuất xưng hô*: Đây là phương thức dùng để định vị vai trò người nói và người nghe trong giao tiếp. Chỉ xuất xưng hô giúp ta nhận ra rõ các vai, các nhân vật được nói đến trong văn bản bằng các từ xưng hô khác nhau. Đôi khi việc dùng các từ xưng hô là phương thức thay thế cho cách dùng tên riêng để gọi. Trong 15 truyện ngắn được khảo sát có 292 từ xưng hô với 2.919 lần xuất hiện, chiếm 49,2%. Trong các truyện ngắn của Nam Cao, phương thức chỉ xuất định vị xưng hô được sử dụng nhiều nhất vì khi sử dụng những từ ngữ xưng hô thay cho tên riêng sẽ khiến người đọc cảm thấy thú vị, thấy đúng với thực tế trong các cuộc giao tiếp hằng ngày của con người. Hơn nữa trong truyện có rất nhiều nhân vật với những tính cách khác nhau nên việc sử dụng nhiều từ xưng hô còn góp phần làm nổi bật hình ảnh các nhân vật cũng như hình ảnh về xã hội những năm trước Cách mạng tháng Tám.

Khảo sát 15 truyện ngắn viết trước Cách mạng tháng Tám của Nam Cao, chúng tôi nhận thấy trong hầu hết các truyện ngắn này, các nhân vật đều giao tiếp với nhau. Thông qua cách xưng hô trong các cuộc giao tiếp, các quan hệ liên cá nhân, tính cách, tình cảm, thái độ của nhân vật được bộc lộ rõ nét. Bởi xưng hô không đơn thuần chỉ là làm rõ vai nói và vai nghe mà còn gián tiếp bộc lộ bản chất văn hóa của người nói. Các quan hệ trong gia đình, ngoài xã hội cũng như các phép lịch sự, thể diện của các thoại nhân đối với nhau đều thể hiện trong các biểu thức xưng hô được dùng.

Các đại từ xưng hô và lớp từ xưng hô được sử dụng trong 15 truyện ngắn của Nam Cao gồm:

- Các đại từ xưng hô theo các ngôi: tôi, hắn, tao, mày, thị, y, chúng nó, chúng tôi, chúng ta,...

- Các từ thân tộc: cụ, ông, bà, anh, chị, mẹ, con, cháu, thầy, u, bác, chú,...

- Các từ chỉ chức vụ, nghề nghiệp: lý trưởng, ông hiệu trưởng, lão hàng phở

- Vị từ đã được danh hóa: lão, lão Hạc, lão bá, lão già,...

- Tên riêng: Bình Hựu, Hàn, Tơ, Điền, Ninh, Đạt, Lưu, Kha,...

- Các danh ngữ làm phương tiện xưng hô: ông Thiên Lôi, thằng con trai, anh chàng lỗ mãng, ông lão dờ hơi, người mẹ đáng thương ấy,...

Trong số các đại từ xưng hô đích thực, các nhân vật của Nam Cao thường được gọi là “hắn” dù cho nhân vật có tên hoặc không có tên. Theo lối xưng hô thông thường của người Việt, “hắn” là đại từ nhân xưng ngôi thứ 3 với hàm ý coi thường khinh miệt. Các nhân vật trong truyện Nam Cao dù là người nông dân hay người trí thức cũng có thể được gọi là “hắn”. Theo khảo sát của chúng tôi, trong truyện ngắn *Đòn chông* đại từ xưng hô “hắn” xuất hiện 40 lần; ở truyện ngắn *Đôi móng giò* đại từ xưng hô “hắn” xuất hiện 51 lần; trong truyện ngắn *Trẻ con không được ăn thịt chó* đại từ xưng hô “hắn” xuất hiện 84 lần; trong truyện ngắn *Một chuyện xứ-vơ-nia và Tư cách mõ* “hắn” lần lượt có tần suất sử dụng là 38 lần và 58 lần. Để hiểu hết được ý nghĩa cách dùng từ “hắn” của Nam Cao đối với các nhân vật trong các câu truyện, chúng ta phải xem xét đến việc “hắn” được dùng để quy chiếu với nhân vật nào, trong hoàn cảnh nào, là lời nói của ai với ai. Trong truyện ngắn của Nam Cao, có một số nhân vật “thực sự” là “hắn” như “hắn” trong *Đòn chông*: “Hắn nắm lấy cổ y, đẩy y vào chỗ cột nhà. Y không kháng cự, bởi kháng cự thật là vô ích. Hắn cời cái thắt lưng của y, trói ngang lưng y vào cái cột. Như thế tha hồ vung

chải. Nhưng hắn còn muốn vung chải hơn nhiều nữa. Hắn đặt ngay cái đòn gánh ở bên ngoài cột, dùng hai tay vợ dang ra, lấy sợi dây thừng quấn... Hắn bỗng nhiên vùng dậy, cầm cái roi mây chạy lại, nghiêng răng vut đen đét vào mông y” [8, tr.102]. Nam Cao đã miêu tả nhân vật Lúng, gọi nhân vật này là “hắn” - là một kẻ cờ bạc, rượu chè, chỉ biết tới sĩ diện của bản thân, mặc vợ con lo toan cuộc sống thường nhật. Bên cạnh đó, cũng có nhân vật tuy được gọi “hắn” nhưng chứa đựng sự cảm thông, chia sẻ của tác giả. Ví dụ như nhân vật “hắn” trong *Tư cách mõ*. Hắn - Lộ vốn là con ông quan viên tử tế, là anh cu Lộ hiền lành, không cờ bạc rượu chè, chăm chỉ làm ăn. Ban đầu anh nhận lời làm mõ cho họ đạo Lưu An cũng chỉ vì cuộc sống khó khăn quá. Rồi dần dần do sự khinh bỉ, làm nhục của người khác anh trở thành “một thằng mõ chính tông”. Không giống như các nhân vật khác, Nam Cao ban đầu gọi nhân vật của mình là Lộ, Anh cu Lộ, anh, và chỉ gọi là “hắn” khi Lộ thực sự đã trở thành mõ. Dường như ngay trong cách xưng hô khi gọi nhân vật tác giả đã thể hiện cảm thông khi nhân vật của mình vì hoàn cảnh xô đẩy, vì lòng trọng khinh, vì sự sỉ nhục làm nhục của người đời mà biến đổi về nhân cách. “Bây giờ thì hắn đã trở thành mõ hẳn rồi... Hắn ngồi tít ở ngoài xa, ngay chỗ cổng vào. Người ta bung cho một mình hắn một mâm. Hắn trỏ tráo ngồi ăn” [8, tr.210].

Bên cạnh đại từ xưng hô “hắn” còn có đại từ xưng hô “y”, “thị” cũng được sử dụng với tần xuất khá nhiều trong các truyện ngắn như: *Giăng sáng* (Thị: 38 lượt); *Trẻ con không được ăn thịt chó* (Thị: 37 lượt); *Đón khách* (Y: 16 lượt, Thị: 2 lượt). Trong tiếng Việt, đại từ nhân xưng “y”, “thị” được dùng ở ngôi ba. “Y” có thể dùng để chỉ cả nam lẫn nữ. “Thị” dùng để

chỉ người phụ nữ thường hàm ý coi thường. Ví dụ như trong *Đòn chồng*, đại từ nhân xưng “y” được sử dụng tới 43 lượt, mang sắc thái mỉa mai, dè bủ. Vợ Lúng vì đói quá nên ăn hai tấm bánh dày đậu mà không có đủ tiền trả, bị chị hàng bánh bêu xấu giữa chợ đến nỗi “y cúi mặt, nước mắt ròng ròng”. Về đến nhà “y” bị chồng đánh đen đét vào mông. Y đau quần đít. Y nhăn mặt lại. Y van lạy. Y gào” [8, tr.102].

Tùy từng trường hợp và các mối quan hệ mà có sự kết hợp giữa đại từ xưng hô “tôi” với các từ khác để tạo thành từng cặp như: “tôi - anh”, “tôi - bà”, “tôi - cô”, “tôi - lão”. Các mối quan hệ mà các cặp từ xưng hô trên biểu thị cũng rất phong phú: có khi là quan hệ láng giềng, có khi là quan hệ bạn bè, cũng có khi lại là quan hệ chủ tớ. Trong mỗi trường hợp khác nhau, đại từ “tôi” lại diễn tả những tình cảm và sắc thái khác nhau: lúc là tình cảm trang trọng, lịch sự mang sắc thái trung tính; khi là sự thân mật, triu mến. Nhưng cũng có khi là sự trịch thượng của kẻ trên đối với người có vị thế thấp hơn.

Trong truyện ngắn *Một bữa no*, bà phó Thụ xưng “tôi” gọi “bà” với bà cái đi. Nếu xét về phương diện tuổi tác bà cái đi lớn tuổi hơn bà phó Thụ. Do vậy, cách xưng “tôi” gọi “bà” của bà phó Thụ cũng thể hiện phần nào sự khiêm nhường với người lớn tuổi hơn (bà cái đi). Nhưng xét về địa vị xã hội thì bà phó Thụ lại ở vị thế cao - vị thế chế ngự; còn bà cái đi ở vị thế thấp - vị thế bị chế ngự. Hơn nữa, đặt trong hoàn cảnh của cuộc giao tiếp lúc đó là tình thế bà cái đi vì đói quá nên nghĩ ra kế đến nhà bà phó Thụ để thăm cháu nhưng thực chất là đến “xin” một bữa cơm. Trong suốt quá trình giao tiếp ấy, bà phó Thụ tỏ rõ thái độ của mình: “Nó không được rồi mà chơi với bà. Chẳng chơi bởi gì cả! Bà đã trót lên đây thì vào đây, tôi cho một bữa cơm. Bận sau thì đừng về con khi nữa. Nhà tôi

không có thói phép cho chúng nó như thế được. Con tôi đi học tận Hà Nội, để tôi cũng nay ra chơi, mai ra chơi với nó đấy! Đã đi ở lại còn không biết phận... Chơi với bởi!” [8, tr.231]. Như vậy, rõ ràng là cặp xưng hô “tôi” - “bà” ở đây mang sắc thái là sự trịch thượng của người ở địa vị cao đối với kẻ ở địa vị thấp.

Còn trong truyện ngắn *Lão Hạc*, nhân vật chính là lão Hạc và “tôi” là ông giáo láng giềng, người kể chuyện. Xét về vị thế xã hội, ông giáo là một tri thức còn lão Hạc là một nông dân, cho nên vị thế xã hội của ông giáo đương nhiên sẽ cao hơn lão Hạc. Xét về phương diện tuổi tác, lão Hạc là bậc cha chú của ông giáo. Do vậy, việc lựa chọn từ xưng hô vừa phải thể hiện vai giao tiếp, vừa phải thể hiện quan hệ thân cận hay xa lạ, vừa phải thể hiện được thái độ, tình cảm đối với sự vật của các biểu thức xưng hô. Cách gọi “lão” thể hiện sự kính trọng của ông giáo đối với người lớn tuổi. Ngoài cách gọi trên, ông giáo còn gọi là “lão Hạc” không chỉ thể hiện sự tôn trọng mà còn kèm theo thái độ thân mật của ông giáo đối với người láng giềng. Mặc dù, tuổi tác có chênh lệch nhưng thái độ, tình cảm mà ông giáo đối với lão Hạc không chỉ là tình cảm của những người láng giềng mà còn là tình cảm của những người tri kỷ. Có lẽ, trong các truyện ngắn của Nam Cao, truyện ngắn *Lão Hạc* đã xây dựng nên hình tượng đẹp đẽ nhất về người nông dân. Lão Hạc dù bị bần cùng, bị vùi dập bởi miếng ăn nhưng vẫn giữ được phẩm chất cao đẹp của một lão nông. Trong tình cảnh khốn quẫn, lão Hạc đành bán con chó và cuối cùng tự sát để giữ vẹn chút gia sản ít ỏi mà lão suốt đời chất chiu tích góp cho con. Nhân vật “tôi” gọi người cố nông này là “lão”, “lão Hạc” là để chỉ người đàn ông cao tuổi đáng thương. Thông qua cặp từ xưng hô “tôi” (73 lượt) - “lão/lão Hạc” (146 lượt) đã thể hiện một cách rõ nét sự đồng

cảm, yêu thương, trân trọng trong cách gọi.

* *Chiếu vật chỉ xuất định vị không gian, thời gian*: Đây là phương thức chiếu vật bằng cách chỉ ra sự vật, nghĩa chiếu vật theo vị trí của nó trong không gian và thời gian. Phương thức này được dùng khá nhiều, 167 lần với 28,2% xuyên suốt toàn bộ các tác phẩm. Trong đó, kiểu định vị chủ quan và khách quan chênh lệch nhau không nhiều với tỉ lệ lần lượt là 12,3% và 15,9%. Nếu như không sử dụng phương thức này thì ta khó có thể xác định được thời gian, không gian, trình tự của các sự việc xảy ra trong văn bản. Kiểu định vị này chính là bối cảnh giúp các sự kiện, tiến trình của câu chuyện diễn ra. Thông thường, dấu hiệu để nhận biết các biểu thức chiếu vật theo kiểu định vị không gian, thời gian là nhờ vào các từ ngữ như: này, kia, ấy, nọ, bây giờ, nay, nãy, hôm nay, ngày này, tháng trước,... Ví dụ như: “Bây giờ thì cả làng ai cũng biết. Ai cũng biết: con vợ thằng Lúng mặt mũi như thế ấy mà gian vô cùng” [8, tr.100]; “Nhân tiện con chó ăn phải bã hay sao chẳng biết, sang hôm nay cứ rú lên rồi lăn ra giấy chết” [8, tr.128];...

3. Kết luận

Chiếu vật là một trong những phương diện đầu tiên và rất quan trọng của Ngữ dụng học. Chiếu vật giúp người nghe, người đọc xác định được một cách chính xác nhất sự vật, hiện tượng được nói đến trong các biểu thức ngôn ngữ. Hiện tượng chiếu vật được sử dụng phổ biến không chỉ trong sinh hoạt hàng ngày mà còn trong các tác phẩm văn chương. Việc tìm hiểu các

phương thức chiếu vật trong tác phẩm văn chương góp phần giúp cho việc tiếp nhận tác phẩm một cách đầy đủ, thấu đáo nhất.

Thông qua việc khảo sát 15 truyện ngắn trước Cách mạng tháng Tám của Nam Cao, chúng tôi nhận thấy tác giả sử dụng đa dạng, đan xen các phương thức chiếu vật với xu hướng thiên về phương thức chỉ xuất định vị xưng hô và định vị không gian, thời gian. Hai phương thức sử dụng ít hơn là phương thức miêu tả và phương thức dùng tên riêng. Dưới ngòi bút thấm đẫm tính nhân đạo và hiện thực của mình, mỗi tên riêng được gọi; mỗi đặc điểm của sự vật được miêu tả cụ thể qua các biểu thức ngôn ngữ; mỗi đại từ, lớp từ ngữ xưng hô được dùng đều góp phần giúp Nam Cao vẽ ra một cách rõ ràng chân dung, diện mạo, tính cách, các quan hệ liên cá nhân, tình cảm, thái độ của các nhân vật.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Diệp Quang Ban (Chủ biên), Hoàng Văn Thung, *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2006.
- [2] Đỗ Hữu Châu, Đỗ Việt Hùng, *Giáo trình Ngữ dụng học*, Nxb. Đại học Sư phạm, Hà Nội, 2008.
- [3] Nguyễn Đức Dân, *Ngữ dụng học*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998.
- [4] Trương Quang Đệ, *Vấn đề ngôi trong tiếng Việt*, Nxb. Văn hóa - Văn nghệ, Tp. Hồ Chí Minh, 2012.
- [5] Nguyễn Thiện Giáp, *Dụng học Việt ngữ*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2005.
- [6] Nguyễn Văn Hiệp, *Cơ sở ngữ nghĩa phân tích cú pháp*, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2008.
- [7] Nguyễn Thị Việt Thanh, “Hoạt động của đại từ “nó” trong khẩu ngữ tiếng Việt”, *Tạp chí Ngôn ngữ và Đời sống*, số 4, 2010.
- [8] *Tuyển tập Nam Cao*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 2005.